

**DANH MỤC THỰC HIỆN CẮT GIẢM THỜI HẠN GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH  
THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA SỞ XÂY DỰNG TỈNH LẠNG SƠN**

*(Kèm theo Quyết định số 1083 /QĐ-UBND ngày 15 /5/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn)*

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày/ngày làm việc)			Tỉ lệ % cắt giảm	Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh
		Theo quy định	Thời hạn cắt giảm	Sau cắt giảm		
A	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (05 TTHC)					
I	Lĩnh vực Đường bộ (01 TTHC)					
1	Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ	5	1,5	3,5	30,00%	Quyết định số 923/QĐ-UBND ngày 19/4/2025
II	Lĩnh vực Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (04 TTHC)					
1	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (trong trường hợp: Cấp lần đầu hoặc Giấy chứng nhận hết hạn mà tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng có nhu cầu tiếp tục hoạt động).	20	6	14	30,00%	Quyết định số 1611/QĐ-UBND ngày 09/10/2023
2	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (còn thời hạn nhưng bị mất hoặc hư hỏng hoặc bị ghi sai thông tin hoặc tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng xin dừng thực hiện một số chỉ tiêu trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng).	5	1,5	3,5	30,00%	
3	Bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (trong trường hợp tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng thay đổi địa chỉ, tên của tổ chức trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng đã được cấp).	5	1,5	3,5	30,00%	
4	Bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (trong trường hợp tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng thay đổi địa điểm đặt phòng thí nghiệm hoặc thay đổi, bổ sung, sửa đổi chỉ tiêu thí nghiệm, tiêu chuẩn thí nghiệm trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng).	20	6	14	30,00%	
	Tổng cộng A (cấp tỉnh)	55	16,5	38,5	30,00%	
B	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN (04 TTHC)					
	Lĩnh vực Hoạt động xây dựng (04 TTHC)					
1	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ (Trường hợp nhà ở riêng lẻ)	15	5	10	33,33%	Quyết định số 215/QĐ-UBND ngày 20/01/2025

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày/ngày làm việc)			Tỉ lệ % cắt giảm	Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh
		Theo quy định	Thời hạn cắt giảm	Sau cắt giảm		
A	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (05 TTHC)					
2	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ (Trường hợp nhà ở riêng lẻ)	15	5	10	33,33%	Quyết định số 215/QĐ-UBND ngày 20/01/2025
3	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ (Trường hợp nhà ở riêng lẻ)	15	5	10	33,33%	
1	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ (Trường hợp nhà ở riêng lẻ)	15	5	10	33,33%	
	Tổng cộng B (cấp huyện)	60	20	40	33,33%	
	TỔNG SỐ (Tỉnh + huyện) (A+B)	115	36,5	78,5	31,74%	